

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HC- ST

Ngày 27 - 10 - 2017

V/v khiếu kiện: “yêu cầu hủy quyết
định hành chính về quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Nguyễn Thị Kim Luyện

Thư ký Tòa án: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Hoàng Minh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 9 năm 2017, ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2016/TLST- HC ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính về quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST- HC ngày 29 tháng 8 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/QĐST- HC ngày 14 tháng 9 năm 2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2017/QĐST-HC ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hà Chí H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Tổ x, phường H, thị xã P, Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Đỗ Trảng Q- Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị xã P (tham gia từ ngày 17/8/2016 đến ngày 07/8/2017). Theo văn bản ủy quyền số: 1003/VBUQ ngày 17/8/2016.

Ông Nguyễn Văn H1, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P (tham gia từ ngày 08/8/2017 đến nay).

Theo văn bản ủy quyền số: 864/VBUQ ngày 08/8/2017, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy H2, Chức vụ: Chủ tịch UBND phường H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nghiêm Thị Thu H3, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường, (Theo giấy ủy quyền số: 01/VBUQ ngày 06/10/2017), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ x, phường H, thị xã P, Vĩnh Phúc.

3. Anh Hà Thiên T1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ xx, phường V, quận H, TP.Hà Nội.

4. Anh Hà Kim C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ xx, phường V, quận H, TP.Hà Nội.

Bà T, anh T1 và anh C đều ủy quyền cho ông Hà Chí H (theo văn bản ủy quyền ngày 29/02/2016, 12/7/2016).

5. Bệnh viện P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C1, Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H4 - Chức vụ: Phó trưởng phòng TCHC Bệnh viện P (theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2016), có mặt.

6. Anh Trần Hiếu T2, SN 1979 và chị Nguyễn Thị H5, SN 1977

Đều trú tại: Tổ x, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1943

Trú tại: Tổ x, phường H, thị xã P, Vĩnh Phúc, có mặt.

8. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1958.

Đều trú tại: Tổ x, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông M có mặt, bà N vắng mặt.

9. Chị Trần Thu T3, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Hữu Trung D, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Tổ x, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2013 và ngày 20/6/2016, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người khởi kiện là ông Hà Chí H trình bày: Năm 1983 bà Nguyễn Thị T (vợ ông) mua của cụ Trịnh Đức Q2 (vợ là cụ Lê Thị C2), 03 gian lợp ngói móc và cây cối trồng trên diện tích đất 150 m² hai bên có viết giấy tờ mua bán, diện tích đất thực tế hai bên không đo đạc cụ thể, chỉ chỉ cho nhau mốc giới. Năm 2005 UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là 355,7m² thửa 02, tờ bản đồ số 38. Theo sơ đồ thửa đất thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông, chiều giáp Bệnh viện P thể hiện là 01 đường gấp khúc là sai, vì trên thực tế là đường thẳng có bức tường gạch của Bệnh viện P, sau này UBND phường đo phần diện tích gấp khúc này là 3,7m ông nhất trí.

Năm 2007 vợ chồng ông làm hợp đồng tặng cho con trai Hà Thiên T1 75m², trên đất có hai gian nhà cấp 4. Lúc làm thủ tục tặng cho địa phương vào đo thực tế và chỉnh lý lại chiều giáp Bệnh viện là 01 đường thẳng cho đúng với thực tế. Thửa đất ông tặng cho anh T1 có 01 chiều giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Q1, 01 chiều giáp Bệnh viện P, 01 chiều giáp khu tái định cư BOT, 01 chiều giáp đất còn lại của gia đình ông. Năm 2007 anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻¹ diện tích 75m², con trai ông chỉ ở nhà đất này một thời gian đến năm 2008 thì ra Hà Nội ở. Năm 2009 vợ chồng ông chuyển nhượng cho anh T2 và chị H5 50m² đất. Trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Nguyễn Thị Q1 có khởi kiện ông ra UBND phường H với lý do trong tổng số 50m² mà ông đã bán cho anh T2 và chị H5 thì gia đình ông chỉ có khoảng 30m², còn 20m² là của nhà bà Q1. Tổ dân phố tiến hành hòa giải bà T vợ ông đã thanh toán cho bà Q1 35.000.000đồng để bà Q1 rút đơn khởi kiện, phần diện tích đất này là 29,7m². Sau đó năm 2009 vợ chồng ông lại chuyển nhượng cho ông M và bà N 53,8m², trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, địa phương đã đến đo đất, làm trích lục bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻³. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do ông viết sau đó bà T vợ ông ký. Khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì không hiểu biết pháp luật nên cán bộ phường hướng dẫn như thế nào vợ chồng ông làm, còn trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật vợ chồng ông không nắm được. Năm 2009 và năm 2013 UBND phường H đứng

ra đồ đường bê tông làm đường đi lấn vào đất nhà ông, ông không nhất trí. Ngày 20/6/2013 ông đã làm đơn kiến nghị lên UBND thị xã P, ngày 27/8/2013 Chủ tịch UBND thị xã P ra Quyết định hành chính số 1853/QĐ- CT giữ nguyên hiện trạng thửa đất số 02 (phần đất còn lại của vợ chồng ông) và thửa đất 02⁻¹ (phần đất của anh T1) có tổng diện tích là 239,7m². Ngày 10/9/2013 ông khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, lúc đó ông đang có đơn khiếu nại gửi các nơi, nên ông đã làm đơn đề nghị Tòa án tạm dừng chờ kết quả khiếu nại. Hồ sơ khởi kiện của ông vẫn để lại Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tháng 6/2016, không nhận được trả lời khiếu nại, nên ông lại làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết. Nay ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định hành chính 1853 với các lý do sau:

Thứ nhất: Thửa đất số 02⁻¹ tờ bản đồ số 38 mang tên con trai ông là Hà Thiên T1 đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2007 có vị trí giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Q1, nhưng trong Quyết định hành chính số 1853 lại di chuyển sang một vị trí khác. Thứ hai: Chiều giáp đất nhà cụ C2 dài 22m chứ không phải là 16,85m như trong Quyết định. Thứ ba: Tính từ tường nhà cụ C2 kéo thẳng sang đất nhà ông đến 12m, thì kéo thẳng từ tường Bệnh viện ra khu đô thị S là 16,3m. Chính biên bản ngày 05/3/2013 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường H đã xác nhận nội dung này. Nhưng sau khi làm đường bê tông đất nhà ông chỉ còn là 13m là không đúng, đất nhà ông bị thiếu khoảng hơn 40m² về phía chiều giáp ngõ đi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông là người nộp tiền thuê cơ quan đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ. Nay ông tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này và không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Chí H, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Chí H, vì các lý do sau: Gia đình ông Hà Chí H sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 355,7m². Quá trình sử dụng: Nhà nước thu hồi 7,7m² đất thổ cư (đất ở) cho dự án xây dựng hạ tầng khu tái định cư BOT phường H. Năm 2007 tặng cho con trai Hà Thiên T1 thửa đất số 02⁻¹, diện tích 75m², do diện tích tặng cho chưa chia tách tại thực địa, nên thửa số 02 và thửa số 02⁻¹, tờ bản đồ 38 được tạm đo thành một thửa. Năm 2009 chuyển nhượng cho anh Trần Hiếu T2 và bà Nguyễn Thị H5 50m² đất ở, chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M và bà

Phạm Thị N là 53,8 m². Như vậy, thửa đất của ông Hà Chí H còn lại là 244,2m² bao gồm cả phần đất đã cho con trai là Hà Thiên T1. Qua xem xét bản đồ, hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 02, tờ bản đồ 38 của hộ ông H phía giáp Bệnh viện P được thể hiện đường gấp khúc (do có diện tích là 37m²). Nhưng hiện trạng thực tế là một đường thẳng, UBND phường H, Phòng TN&MT thị xã P làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không phát hiện có sự chồng lấn để kịp thời chỉnh lý. Quyết định hành chính số: 1853 diện tích còn lại là: 239,7m² bao gồm cả thửa đất đã tặng cho con trai anh T1 có các chiều: Phía Tây Bắc giáp nhà ông M, bà N dài 10,9m; phía Đông Bắc giáp ngõ đi, dài 18m; phía Tây Nam giáp Bệnh viện P, dài 18,58m; phía Đông Nam giáp nhà cụ Q2 (cụ C2) dài 16,85m. Vậy 244,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trừ 37m² phần diện tích chồng lấn còn 207m², nên thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 32,7 m². Việc hình thành đường đi như hiện nay theo bản đồ địa chính thể hiện và thực tế là mương dẫn nước khu đất canh tác của HTX K. Trước năm 2008 các hộ này đi nhờ Bệnh viện P, đến năm 2008, Bệnh viện không cho các hộ đi nhờ qua đất Bệnh viện. Thời điểm đó Khu đô thị S và Khu tái định cư BOT đã được hình thành và xây dựng, hai dự án đều không thu hồi phần đất là diện tích mương nước. Do vậy, các hộ gia đình đã tự đổ đất lấp mương nước để hình thành ngõ đi như hiện nay. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Hà Chí H chuyển nhượng cho hộ ông M, hộ anh T2 đều thể hiện phía Đông Nam là ngõ đi chung.

Tại bản tự khai ngày 06/10/2017 người đại diện theo ủy quyền của UBND phường H trình bày: Thửa đất ông H đang khởi kiện quyết định hành chính có nguồn gốc năm 1983 bà Nguyễn Thị T mua của cụ Trịnh Đức Q2 (vợ là cụ Lê Thị C2). Năm 1997 khi nhà nước tổ chức đo đạc thành lập bản đồ địa chính thì thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông H) thể hiện tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 38, diện tích 355,7m². Năm 2005 được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 38, diện tích 355,7m². Tại thời điểm đo vẽ bản đồ năm 1997 thì hộ ông H và 02 hộ gia đình khác hộ bà Lê Thị C2, hộ bà Nguyễn Thị Q1 không có lối đi, các hộ đều phải đi nhờ qua Bệnh viện P. Năm 2008, Bệnh viện P đã có văn bản thông báo cho các hộ gia đình tự liên hệ với chính quyền địa phương để mở lối đi khác. Ngõ đi hiện tại được hình thành trên cơ sở lấp mương thoát nước và đi ra khu tái định cư BOT. Năm 2006, thực hiện dự án xây

dựng khu tái định cư BOT phường H đã thu hồi của hộ ông H là $7,7\text{m}^2$ đất. Năm 2009 đổ bê tông phần diện tích của ngõ đi, nhưng ông H không nhất trí vì cho rằng đó là đất của gia đình ông. UBND phường đã tiến hành kiểm tra lại ranh giới sử dụng đất của hộ ông H, qua đó nhận thấy phần ranh giới đất của ông H với Bệnh viện P thể hiện trong bản đồ địa chính là một đường gấp khúc, thực tế là một đường thẳng, hiện vẫn còn tường rào của Bệnh viện ngăn cách. Do vậy diện tích sử dụng đất của hộ ông H sẽ bị trừ đi số diện tích là $37,0\text{m}^2$. Năm 2013 UBND phường làm đường bê tông qua đoạn ngõ đi qua nhà ông H, ông H lại tiếp tục có đơn thư kiến nghị. Ngày 27/8/2013 Chủ tịch UBND thị xã P đã ra quyết định số 1853/QĐ –UBND về việc giữ nguyên hiện trạng thửa đất số 02 và số 02⁻¹, tờ bản đồ số 38 của gia đình ông H. Nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính trên của Chủ tịch UBND thị xã P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của là Bệnh viện P trình bày: Ngày 29/9/2008 Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bệnh viện P tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 38 diện tích là $25.840,8\text{m}^2$. Bệnh viện P được thành lập từ những năm 1960 và tường rào xung quanh bệnh viện được xây dựng từ thời điểm đó. Ông H mua đất của cụ C2 cụ Q2 và mãi đến những năm 1980 mới xây dựng nhà, cho nên không có chuyện Bệnh viện hay nhà ông H lấn sang đất của nhau. Hiện tại tường rào của Bệnh viện giáp nhà ông H vẫn còn nguyên hiện trạng, nó là một đường thẳng chứ không phải là đường gấp khúc. Từ trước đến nay Bệnh Viện và gia đình ông H không có tranh chấp về đất đai. Nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính số 1853 ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Q1 trình bày: Chồng bà là ông Lê Xuân Đ đã chết năm 1990. Năm 2004 hộ gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $688,7\text{m}^2$, đất có một chiều giáp đất nhà ông H. Mốc giới xác định gianh giới giữa đất nhà bà và đất nhà ông H là 01 bức tường xây gạch. Hiện tường rào này nhà ông H đã phá đi xây 01 gian công trình phụ, nhưng vẫn còn móng tường. Năm 2009 nhà ông H bán 01 gian công trình phụ làm trên diện tích đất khoảng 16m^2 cho anh T2 và chị H5, nhưng ông H lại làm hợp đồng bán 50m^2 nên đã bán lấn sang nhà của bà khoảng 34m^2 . Đây chính là phần diện tích anh T2 và chị

H5 sau khi mua đất đã xây phòng khách là 29,7m². Khi anh T2 và chị H5 đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà kiện ông H và bà T ra UBND phường. Sau đó tổ dân phố tiến hành hòa giải, bà T vợ ông H thanh toán trả cho bà số tiền là 35.000.000 triệu đồng, phần tiền còn thiếu, ông H hứa đổ đường bê tông làm đường xóm cho gia đình bà đi cùng. Nhưng sau đó UBND phường làm đường bê tông. Năm 2009 UBND phường đứng ra đổ bê tông ngõ đi, nhưng ông H không cho làm, nên phải tạm ngừng không làm nữa. Năm 2013 UBND phường lại tiếp tục đổ phần đường còn lại đi qua cổng nhà ông H, ông H không nhất trí. Ngõ đi hiện tại là mương thoát nước của HTX, đất của Nhà nước không phải đất nhà ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính số 1853 ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Hiếu T2 trình bày: Ngày 01/10/2009 vợ chồng anh có mua của gia đình ông Hà Chí H 50m² đất ở, có gianh giới các phía như sau: Phía Bắc giáp với khu đô thị S, phía Nam giáp với Bệnh viện P, phía Tây giáp với nhà bà Nguyễn Thị Q1, phía Đông giáp với nhà ông Hà Chí H (nay là nhà ông M, bà N). Khi anh mua đất của ông H trên đất đã có nhà 01 ngôi nhà cấp 4 gồm 02 phòng nhà vệ sinh và công trình phụ cùng với 1 phần đất trống. Anh có nghe nói phần đất trống này là đất ông H mua của bà Nguyễn Thị Q1, sau khi mua đất phần đất trống vợ chồng anh đã xây phòng khách và phòng ngủ cho gia đình. Vợ chồng anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính số 1853 ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ ông là bà Nguyễn Thị H5 đã nhận được giấy báo của Tòa án, nhưng bận công việc không đến làm việc được đề nghị Tòa án cho vắng mặt.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn M trình bày: Ngày 13/4/2009 vợ chồng ông bà có mua của vợ chồng ông H 53,8m². Khi mua trên đất đã có một ngôi nhà cấp 4 xây tường gạch. Năm 2009 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻³, tờ bản đồ số 38. Hiện tại nhà đất vẫn giữ nguyên như lúc mua của ông H, vợ chồng ông chỉ lát lại nền gạch và quét vôi ve nhà cho sạch sẽ. Thửa đất vợ chồng ông mua có một chiều giáp đất nhà anh T2 và chị H5; 01 chiều giáp Bệnh viện P; 01 chiều giáp ngõ đi; 01 chiều giáp đất nhà ông H và bà

T. Nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính số 1853 ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ ông là bà Phạm Thị N cũng nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy báo và các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vì bận công việc không đến làm việc được đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, quan điểm của vợ ông cũng như của ông.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thu T3 và anh Nguyễn Hữu Trung D trình bày: Tháng 3 năm 2017 vợ chồng anh chị có mua của vợ chồng anh Trần Hiếu T2 và chị Nguyễn Thị H5 thửa đất số 02⁻² tờ bản đồ số 38 diện tích 50m², trên thửa đất có 02 ngôi nhà cấp 4. Anh chị có biết nhà đất này trước kia anh T2 và chị H5 mua của gia đình ông Hà Chí H. Tháng 4 năm 2017 vợ chồng anh chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 38. Khi mua vợ chồng anh chị không biết đất này đang có liên quan đến vụ kiện của ông Hà Chí H. Sau khi mua nhà đất xong khoảng cuối tháng 3 năm 2017 vợ chồng anh chị về sinh sống trên nhà đất này. Quan điểm vợ chồng anh chị mua nhà đất của anh T2, chị H5 là đúng pháp luật. Ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại để các bên thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không tiến hành được vì vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người khởi kiện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Luật tố tụng hành chính; người bị kiện chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 55 và Điều 57 của Luật tố tụng hành chính. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có người đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, cũng có người chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 55 và Điều 58 của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Luật đất đai năm 2003, Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai; chương VI Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; tiểu mục 3.5, 3.6 mục 3 phần I, tiểu mục 5.3 mục 5 phần I và tiểu mục 1.1 mục 1 phần III của Thông tư số: 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Chí H, hủy Quyết định hành chính số: 1853/QĐ-CT ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Hà Chí H đối với thửa đất số 02, 02⁻¹, tờ bản đồ số 38 diện tích 239,7m², tại Tổ x, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Hà Chí H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông H số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Kiến nghị: Yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên khắc phục vi phạm việc sau khi nhận đơn khởi kiện đã không hướng dẫn người khởi kiện lựa chọn cơ quan giải quyết. Nếu lựa chọn Tòa án thì thụ lý ngay, còn nếu chọn theo con đường khiếu nại, tố cáo thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, vi phạm khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn điều 31 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định hành chính số: 1853/QĐ-CT ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P (gọi tắt là Quyết định 1853). Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 31 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, cũng như hướng dẫn tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-

HĐTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính năm 2011 thì yêu cầu khởi kiện của ông Hà Chí H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số: 1853/QĐ- HC của Chủ tịch UBND thị xã P được ban hành ngày 27 /8/ 2013, ngày 10/9/2013 ông Hà Chí H đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên qua đường bưu điện, với nội dung đề nghị Tòa án hủy quyết định hành chính nêu trên. Đến ngày 06/11/2013 ông H có đơn đề nghị Tòa án với nội dung: “...*Hiện nay tôi đã có đơn đang được thanh tra tỉnh giải quyết khiếu nại của tôi về vụ việc này chưa có kết quả. Vậy tôi xin tạm dừng để chờ kết quả...* ”. Toàn bộ hồ sơ khởi kiện của ông Hà Chí H vẫn được để lại Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên. Sau đó ông H không nhận được trả lời khiếu nại, đến ngày 20/6/2016 ông H tiếp tục có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị hủy Quyết định hành chính 1853. Trong suốt thời gian ông H để lại đơn khởi kiện tại Tòa án, Tòa án đã không gọi ông H đến làm việc, yêu cầu ông H lựa chọn cơ quan giải quyết để làm căn cứ thụ lý đơn khởi kiện của ông hoặc trả lại đơn khởi kiện cho ông H theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần phải xác định ngày ông H khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên là ngày 10/9/2013 theo dấu bưu điện để tính thời hiệu khởi kiện trong vụ án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2011; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính năm 2011 và Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Vì vậy, ngày 10/9/2013 ông H khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1853 là nằm trong thời hiệu khởi kiện.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định 1853, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về mặt hình thức thẩm quyền ban hành: Quyết định 1853 được ban hành bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, do Phó chủ tịch UBND thị xã P ký thay Chủ tịch (theo lĩnh vực phân công, ủy quyền thường xuyên) là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 89 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 160 của Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính Phủ về thi

hành luật đất đai; đúng trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết đơn kiến nghị về tranh chấp đất đai được quy định tại chương VI Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và đúng thể thức văn bản ban hành Quyết định về việc giải quyết đơn kiến nghị.

Về căn cứ ban hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P đã căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật đất đai năm 2003; Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường để ban hành quyết định là đúng với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông Hà Chí H khởi kiện đề nghị hủy Quyết định hành chính số: 1853/QĐ- HC ngày 27 /8/ 2013 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất số 02, 02⁻¹, tờ bản đồ số 38 diện tích 239,7m² Hội đồng xét xử thấy:

Theo Quyết định hành chính số: 1853/QĐ- CT ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND thị xã P ban hành thể hiện nội dung: giữ nguyên hiện trạng thửa đất số 02 và thửa đất 02⁻¹, tờ bản đồ số 38 của hộ gia đình ông Hà Chí H có các chiều tiếp giáp như sau:

Phía Tây Bắc giáp nhà ông M dài: 10,9m; phía Đông Bắc giáp ngõ đi dài: 18,0m; phía Tây Nam giáp Bệnh viện P dài: 18,58m; phía Đông Nam giáp nhà cụ C2 dài: 16,85m. Tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng là 239,7m².

Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp và lời khai của các đương sự đều thể hiện: Năm 1983 bà Nguyễn Thị T vợ ông H mua của cụ Trịnh Đức Q2 và cụ Lê Thị C2 150m² trên đất có 03 gian nhà lợp ngói móc và cây cối, hai bên có viết giấy tờ mua bán và chỉ cho nhau mốc giới từ đâu đến đâu, nhưng không diện tích cụ thể. Năm 2005 gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 38 diện tích 355,7m² (trong đó có 200m² đất ở và 155,7m² đất vườn) mang tên hộ bà Nguyễn Thị T.

Ngày 15/01/2007 vợ chồng ông H làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Hà Thiên T1. Hợp đồng tặng cho, biên bản chia tách ngày 26/12/2006 có sơ đồ trích đo thực địa thửa đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 10/01/2007 đều có chữ ký của cán bộ địa chính và lãnh đạo địa phương. Ngày 26/2/2007 UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hà Thiên T1 tại thửa đất số 02⁻¹ tờ bản đồ số 38 có diện tích là 75m², có các chiều tiếp giáp như sau: giáp đất bà Nguyễn Thị T dài 14m, giáp đất nhà bà Nguyễn

Thị Q1 là 11m, giáp Bệnh viện đa khoa Mê Linh dài 6m, (nay là Bệnh viện P), giáp khu đô thị S là 6m.

Ngày 13/4/2009 ông H và bà T lại làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Trần Hiếu T2 và chị Nguyễn Thị H5 50m² đất ở. Ngày 14/4/2009 Ủy ban nhân dân phường H chứng thực hợp đồng chuyển nhượng, ngày 13/4/2009 có biên bản chia tách thửa đất và trích lục thực địa thửa đất có chữ ký của cán bộ địa chính và lãnh đạo địa phương. Theo trích lục thực địa thửa đất có các chiều tiếp giáp như sau: 01 chiều giáp ngõ đi (khu đô thị S) dài là 6,0m, 01 chiều giáp Bệnh viện P dài 6,83m, 01 chiều giáp đất ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị N dài 9,0m, 01 chiều giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Q1 dài 8,2m. Ngày 28/8/2009 anh T2 và chị H5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻², tờ bản đồ số 38 diện tích là 50m². Nhưng tại trích lục thửa đất và sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho anh T2 và chị H5 thể hiện phần diện tích đất 50m² và vị trí của thửa đất này, nằm trong 75m² đất mà ông H và bà T đã tặng cho anh T1 trước đó và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007.

Ngày 13/4/2009 ông H và bà T lại tiếp tục làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị N diện tích là 53,8m², tại biên bản chia tách thửa đất ngày 13/4/2009 với các chiều tiếp giáp như sau: 01 chiều giáp ngõ đi (Khu đô thị S) dài 5,4m, 01 chiều giáp đất Bệnh viện P dài 5,4m, 01 chiều giáp đất anh T2 và chị H5 dài 9,0m, 01 chiều giáp đất anh T1 dài 10,9m. Ngày 28/8/2009 ông M và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻³ tờ bản đồ số 38 diện tích là 53,8m². Trong phần diện tích bán cho ông M và bà N cũng có phần diện tích đất, vị trí đất ông H và bà T trước đó đã tặng cho anh T1 năm 2007. Như vậy đến thời điểm chia tách thửa đất cho anh T2, chị H5 và ông M, bà N thì thửa đất số 02⁻¹ của anh Hà Thiên T1 từ vị trí giáp đất nhà bà Q1 theo biên bản chia tách thửa đất và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh T1 đã chuyển sang vị trí khác về phía đất còn lại của ông Hà Chí H.

Ông H khẳng định tại tòa con trai ông anh T1 không bán đất cho anh T2, chị H5 và cũng không bán đất cho ông M và bà N. Anh T2 và ông M cũng trình bày là mua đất của ông H và bà T. Tại bản tự khai anh T1 gửi cho Tòa án ngày 18/10/2017 thể hiện: Năm 2007 anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02⁻¹, tờ bản đồ số 38, diện tích 75 m², anh không bán đất, đổi

đất cho ai. Trong hồ sơ vụ án cũng không có giấy tờ nào thể hiện anh T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đổi vị trí đất cho anh T2 và ông M. Cùng một vị trí và diện tích đất ông H trước đó đã tặng cho con trai năm 2007, sau đó năm 2009 lại làm thủ tục chuyển nhượng cho anh T2, chị H5 và ông M bà N đó là việc làm sai của người dân, nhưng chính quyền địa phương đã làm thủ tục xác nhận hợp đồng hợp pháp, chia tách thửa đất, sau đó UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.

Tại bản tự khai bà T gửi cho Tòa án bà cũng trình bày như ông H đã trình bày tại Tòa án; vợ chồng ông bà làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T1 và bà có ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T2, chị H5 và ông M và bà N. Khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì không hiểu biết pháp luật và không để ý nên cán bộ phường hướng dẫn như thế nào vợ chồng ông làm thủ tục như vậy. Qua xác minh tại địa phương cho biết khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông H với anh T2, chị H5 và ông M, bà N do cán bộ địa chính sơ suất đã không phát hiện ra sự chồng lấn về thửa đất như trên.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị T thể hiện: Tháng 02/2007 cho tặng con Hà Thiên T1 thửa đất số 02⁻¹ tờ bản đồ số 38 có diện tích là 75m² (trong đó 50m² đất ở và 25m² đất vườn) theo HĐTCQSDĐ ngày 15/01/2007 của UBND phường H; ngày 27/8/2009 chuyển nhượng quyền QSDĐ cho ông Trần Hiếu T2 và chị Nguyễn Thị H5 thửa đất 02⁻² tờ bản đồ số 38 diện tích là 50m² đất ở tại HĐ số 27 ngày 14/4/2009 của phường H. Chuyển nhượng QSDĐ cho ông Phạm Văn M và Phạm Thị N thửa đất số 02⁻³ tờ bản đồ số 38 diện tích là 53,8m² tại HĐ số 26 ngày 14/4/2009 của UBND phường H.

Tại báo cáo số: 104/BC-TNMT ngày 23/8/2013 của Phòng tài nguyên và môi trường thị xã P gửi UBND thị xã P và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch UBND thị xã P trình bày: “*Năm 2007 tặng cho con là Hà Thiên T1 thửa đất số 02⁻¹, diện tích 75m² (đất ở: 50m²; đất trồng cây lâu năm: 25m²). Do diện tích tặng cho chưa chia tách tại thực địa, nên thửa số 02 và thửa số 02⁻¹, tờ bản đồ 38 được tạm đo thành một thửa*”. Điều đó là không đúng, vì thực tế thửa đất gia đình ông H tặng cho anh T1 đã được đo vẽ, chia tách trên thực địa và ngày 26/2/2007 đã được UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các chiều tiếp giáp như trên.

Ngày 27/8/2013 Chủ tịch UBND thị xã P đã căn cứ vào nội dung của báo cáo số 104 này đề ra Quyết định hành chính số 1853, với nội dung giữ nguyên hiện trạng thửa đất số 02⁻¹ ở vị trí đó, với diện tích đó là không đúng với biên bản chia tách thực địa thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã P đã cấp cho anh Hà Thiên T1; Quyết định số 1853 không phù hợp với thực tế thửa đất số 02⁻¹, sai về vị trí thửa đất.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà Q1, anh T2 đều xác nhận trong 50m² đất bán cho anh T2 và chị H5 có một phần diện tích đất nhà bà Q1, qua xem xét, thẩm định tại chỗ là 29,7m². Tại các tài liệu, chứng cứ do chính người bị kiện cung cấp cho Tòa án biên bản hòa giải tại tổ dân phố ngày 22/6/2009, giấy giao tiền ngày 22/6/2009 có sự chứng kiến của ông Trung tổ trưởng, ông Trai phó bí thư, ông Nhị Bí thư chi bộ tổ 1 phường H và UBND phường cũng xác nhận có nội dung sự việc này. Như vậy tại thời điểm xác nhận địa phương đã biết gia đình ông H với bà Q1, với anh T2 và chị H5 chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa đúng quy định của pháp, nhưng vẫn làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2 và chị H5 là không đúng quy định.

Theo biên bản xác minh tại địa phương: Tại bản đồ đo vẽ năm 1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005 thì thửa đất số 02 tờ bản đồ số 38 địa chỉ ở Tổ 1 khu A1 thị trấn P, huyện M, Vĩnh Phúc (Nay là Tổ x, phường H, thị xã P, Vĩnh Phúc) mang tên hộ bà Nguyễn Thị T. Thửa đất này có các chiều tiếp giáp như sau: Chiều tiếp giáp nhà cụ Q2 và cụ C2 dài 21,83m, chiều tiếp giáp nương nước và đất hoang dài 27,19m, chiều tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Q1 dài 7,98m, chiều tiếp giáp Bệnh viện P dài 26,86m; tổng diện tích là 355,7m². Theo Bản đồ địa chính hiện trạng giao đất khu tái định cư GPMB dự án đường BOT ngày 20/3/2006 do Ban quản lý dự án thị xã P và người bị khởi kiện cung cấp có chữ ký phê duyệt của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, UBND thị xã P, Phòng tài nguyên và môi trường thị xã P, UBND phường H, UBND phường T, cán bộ địa chính phường H và cán bộ đại chính phường T, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38 của gia đình ông H có diện tích 361,8m², nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,1m.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ vị trí đất gia đình ông H bị Nhà nước thu hồi 7,7m², đại diện người bị kiện vắng mặt. Khi Tòa án đề nghị các bên tham

gia chỉ vị trí đất gia đình ông H bị thu hồi, địa phương và cán bộ Ban quản lý dự án thị xã P không chỉ được vị trí. Ông H chỉ vị trí đất thu hồi nằm trên đường ngõ đi gần cột mốc bê tông ngăn cách giữa khu đô thị S với khu tái định cư BOT. Thực tế đến thời điểm hiện tại phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông H chưa sử dụng vẫn là đất bỏ không.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2016 ranh giới thửa đất giữa nhà ông H với Bệnh viện P có một bức tường xây gạch chỉ, là 01 đường thẳng chứ không phải là đường gấp khúc như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ địa chính. Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng không xác định được phần đất gấp khúc này, theo biên bản làm việc ngày 01/10/2010 của UBND phường xác định đoạn gấp khúc là 3,7m, ông H nhất trí với số đo này. Vậy theo bản đồ đo vẽ năm 1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 thì chiều giáp nhà cụ Q2 và cụ C2 dài 21,83m- 3,7m= 18,13m.

Đối chiếu so sánh các chiều cạnh tại Quyết định số: 1853 với biên bản ngày 21/12/2016 xem xét thẩm định hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H thể hiện:

+ Phía Tây Bắc giáp nhà ông M, bà N dài 10,9m, qua xem xét, thẩm định đo được là 11,18m

+ Phía Đông Bắc giáp ngõ đi, dài 18m, qua xem xét, thẩm định đo được là 18,44 m

+ Phía Tây Nam giáp Bệnh viện P, dài 18,58m, xem xét, thẩm định đo được là 18,55m.

+ Phía Đông Nam giáp nhà cụ Q2, cụ C2) dài 16,85m; qua xem xét, thẩm định đo là 16,99m.

Tổng diện tích theo Quyết định 1853 là 239,7m²; còn đo thực tế ngày 21/12/2016 là 252,5m², chênh lệch là 12,8m².

Như vậy đang có sự chồng chéo về vị trí, diện tích của các thửa đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Hà Thiên T1 năm 2007, cấp cho anh Trần Hiếu T2, chị Nguyễn Thị H5 và cấp cho ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị N năm 2009 đang trùng nhau về diện tích và vị trí thửa đất. Vị trí giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Q1 hiện có 02 thửa đất là thửa 02⁻¹ và thửa 02⁻² và trong vị trí, diện tích thửa đất cấp cho anh T2, chị H5 có một phần diện tích đất của thửa đất số 02⁻¹ đứng tên anh T1; toàn bộ diện tích đất 02⁻³ cấp cho ông M, bà N chính là phần diện tích còn lại của thửa số 02⁻¹ đứng tên anh T1.

Từ đó cho thấy Quyết định hành chính số 1853 giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất số 02, 02⁻¹, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,7m² của gia đình ông H là không đúng về nội dung, không phù hợp với thực tế diện tích đất và vị trí của thửa đất số 02⁻¹, tờ bản đồ số 38. Nên yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy Quyết định 1853 của Chủ tịch UBND thị xã P là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Qua đây, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND thị xã P xem xét lại trình tự thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 02⁻¹, 02⁻², , 02⁻³, tờ bản đồ số 38, địa chỉ Tổ x, phường H, thị xã P cho anh Hà Thiên T1, anh Trần Hiếu T2 và chị Nguyễn Thị H5, ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ông H là người nộp tiền thuê cơ quan đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ. Nay ông H tự nguyện nộp số tiền này và không có yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận, nên ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai; chương VI Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; tiểu mục 3.5, 3.6 mục 3 phần I, tiểu mục 5.3 mục 5 phần I và tiểu mục 1.1 mục 1 phần III của Thông tư số: 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Chí H.

Hủy Quyết định hành chính số: 1853/QĐ-CT ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch UBND thị xã P về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Hà Chí H, tại Tổ x, phường H, thị xã P.

Kiến nghị UBND thị xã P xem xét trình lại trình tự thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 02⁻¹, 02⁻², 02⁻³, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ Tổ x, phường H, thị xã P cho anh Hà Thiên T1, anh Trần Hiếu T2 và chị Nguyễn Thị H5, ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị N.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Hà Chí H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông H số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0003056 ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thúy